

Quan điểm của một số nhà triết học phương Tây về tự do và pháp luật

Chu Văn Tuấn¹

Tóm tắt: Quan điểm của một số nhà triết học phương Tây như Thomas Hobbes, John Locke, Montesquieu, J.J.Rousseau, Friedrich Hayek về tự do và pháp luật cho đến nay vẫn có nhiều nội dung có giá trị. Quan điểm của họ phản ánh tinh thần của thời đại, đó là tinh thần thượng tôn pháp luật, coi pháp luật là cơ sở đảm bảo cho tự do của con người. Với họ tự do là một giá trị, một quyền cơ bản của con người; pháp luật không phải là cái sản sinh ra tự do mà là cái đảm bảo cho tự do; không có pháp luật thì tự do không được đảm bảo. F.Hayek là một trong những người đi đầu và khởi xướng chủ nghĩa tân tự do. Quan điểm của ông về tự do và pháp luật cũng trở thành quan điểm của chủ nghĩa tân tự do.

Từ khóa: Thomas Hobbes; John Locke; Montesquieu; J.J.Rousseau; Friedrich Hayek; tự do; pháp luật; xã hội dân sự.

Abstract: Views of a number of Western philosophers such as Thomas Hobbes, John Locke, Montesquieu, J.J.Rousseau, and Friedrich Hayek on freedom and law include contents which are still of value today. They reflected the spirit of the times, which was the rule of law, considering law to be the basis ensuring freedom of man. For them, freedom is a value and a fundamental right of man; law is not what creates freedom, but what guarantees freedom; without law, freedom will not be guaranteed. F.Hayek was one of the pioneers who initiated neoliberalism. His views on freedom and law, with their impacts, later became those of neoliberalism itself.

Keywords: Thomas Hobbes; John Locke; Montesquieu; J.J.Rousseau; Friedrich Hayek; freedom; law; civil society.

1. Mở đầu

Tự do và pháp luật là những khái niệm quan trọng của triết học và nhiều khoa học xã hội khác. Những khái niệm này đã được bàn đến từ cách đây hơn hai ngàn năm, nhưng hiện nay vẫn chưa có sự nhận thức thống nhất về hai khái niệm ấy. Các nhà triết học cận đại Thomas Hobbes, John Locke, Montesquieu, J.J.Rousseau, Friedrich Hayek đã bàn khá nhiều về về tự do và pháp luật. Bài viết này trình bày những nội dung chính trong quan điểm về tự do và pháp luật của một số nhà triết học phương Tây cận đại và hiện đại như

Thomas Hobbes, John Locke, Montesquieu, J.J.Rousseau, Friedrich Hayek.

2. Quan điểm của Thomas Hobbes và John Locke

T.Hobbes (1588 - 1679) quan niệm rằng, con người sinh ra là tự do, bình đẳng. Trong tư tưởng của Hobbes, tự do trong trạng thái tự nhiên và tự do trong trạng thái nhà nước (hay trạng thái xã hội dân sự) có sự khác nhau. Trạng thái tự nhiên là trạng thái mà

¹ Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0914511363. Email: chuantuan_jh07@yahoo.com

con người đối xử với nhau như chó sói (tức là muốn xâu xé lẫn nhau), trạng thái này dẫn đến tình trạng “mọi người chống lại mọi người”, tức là dẫn đến tình trạng vô chính phủ và hỗn loạn. Trong trạng thái tự nhiên, con người luôn cảm thấy bị đe dọa, không được an toàn, luôn cảm thấy bất an. Mặc dù con người được tự do làm điều gì đó mà mình thích, nhưng sự tự do đó luôn bị đe dọa bởi những người khác. Ông viết: “Trong xã hội không có pháp luật, cuộc sống của con người, sẽ trở nên “đơn độc, nghèo nàn, thô tục, hung ác và ngăn ngại” [2, tr.441]. Tình trạng chiến tranh liên tục xảy ra trong trạng thái tự nhiên bắt nguồn từ chỗ, mỗi người tự do làm bất kỳ điều gì, tự do của người này xâm phạm tự do của người khác. Trong quá trình phát triển tiếp theo, người ta nhận thức được rằng cần phải có một phương thức đảm bảo sự an toàn và chấm dứt tình trạng chiến tranh; con người hoặc là phải từ bỏ và hạn chế tự do, hoặc là phải chuyển nhượng quyền tự do của mình cho người khác (thực chất là chuyển cho nhà nước, đó chính là khế ước xã hội và kết quả là hình thành xã hội dân sự). Ông coi “chính quyền dân sự là phương thức thích đáng cho những bất tiện của trạng thái tự nhiên” [3, tr.44].

J.Locke (1632 - 1704) quan niệm về trạng thái tự nhiên có phần khác với Hobbes. Theo ông, trạng thái tự nhiên không phải là trạng thái lộn xộn. Trạng thái tự nhiên “có luật tự nhiên để cai quản, bắt buộc mọi người phải tuân thủ; và lý trí - vốn là luật này - huấn thị cho toàn thể loài người - những người có ý chí riêng cũng phải tham vấn nó, rằng tất cả đều phải bình

đẳng và độc lập với nhau. Không ai được phép làm hại đến sinh mạng, sức khỏe, tự do, hay tài sản của người khác” [2, tr.35-36]. Con người sống trong một trạng thái tự nhiên là sống trong trạng thái tự do. Trong trạng thái tự nhiên, sự tự do của con người là tuyệt đối, mọi người đều có “quyền bình đẳng tự nhiên”; ai cũng có quyền ước muốn bất kỳ điều gì, có quyền với bất kỳ điều gì. Nhưng con người càng tự do bao nhiêu thì họ lại càng bất hạnh bấy nhiêu, bởi vì, khi tự do được phát triển không giới hạn, thì nhu cầu sinh tồn của bản thân sẽ thúc đẩy con người tiêu diệt tự do của người khác. Tự do của con người trong trạng thái tự nhiên là một “trạng thái tự do hoàn hảo”. Trong trạng thái tự do hoàn hảo đó, con người hành động, sắp đặt tài sản của cá nhân theo những cái mà họ cho là thích hợp trong khuôn khổ của luật tự nhiên, họ không phải xin phép và không phụ thuộc vào ý chí của bất kỳ ai khác. Trạng thái tự nhiên là một “trạng thái bình đẳng”, trong đó mọi quyền lực và quyền thực thi công lý có tính tương hỗ, không một ai có nhiều hơn người khác. Trong trạng thái tự nhiên, mỗi người sống trong tự do, là chúa tể tuyệt đối đối với cá nhân mình và tài sản riêng của mình, bình đẳng với những người vĩ đại nhất và không phải phục tùng bất kỳ một ai. Vậy, tại sao con người lại từ bỏ tự do của mình để tự phục tùng quyền thống trị và kiểm soát của một quyền lực khác? Vì sao họ phải tham gia vào khế ước xã hội? Bởi vì, cho dù trong trạng thái tự nhiên, con người có tự do, có quyền lực như vậy nhưng việc thụ hưởng tự do rất không chắc chắn và luôn bị người khác xâm lấn, tất cả mọi người đều tự coi mình là “ông vua”; tự

đó các cá nhân luôn tìm kiếm và sẵn sàng liên kết với người khác nhằm bảo toàn cuộc sống, sự tự do và tài sản của họ.

Đối với J.Locke, điều quan trọng của một chính quyền lý tưởng không phải là hình thức của nó, mà là ở chỗ chính quyền đó phải tồn tại vì con người, vì những quyền cơ bản của con người (quyền tự do và sở hữu). Mục đích của một chính quyền dân sự chủ yếu là hợp nhất con người thành cộng đồng quốc gia, đặt họ dưới một chính quyền, “bảo toàn đối với sở hữu của họ”, đảm bảo an toàn cho tự do của con người. Ông viết: “Việc con người trở thành quan tòa trong những sự vụ của chính mình là không hợp lý, lòng tự ái sẽ khiến họ thiên vị bản thân và bạn bè; mặt khác, bản tính xấu xa, sự công phẫn và lòng thù hận sẽ khiến họ đi quá xa khi trừng phạt người khác; vì thế chắc chắn Chúa đã chỉ định chính phủ nhằm kiềm chế sự thiên vị và sự xâm hại của con người. Chính phủ dân sự là phương thuốc đúng đắn cho tình trạng tự nhiên (the state of nature)” [2, tr.439].

Như vậy, đối với T.Hobbes và J.Locke, pháp luật có mối quan hệ với tự do; tự do là cái vốn có của người, là bẩm sinh của con người; pháp luật là cái cần thiết để đảm bảo tự do cho con người, đảm bảo các quyền con người (một trong số những quyền hết sức quan trọng là quyền sở hữu). Trong pháp luật và dưới sự bảo vệ của pháp luật, các cá nhân trở nên an toàn hơn, nhưng đồng thời cũng bị hạn chế một phần tự do mà họ đã có trong trạng thái tự nhiên. Nhưng tất cả mọi người đều tự nguyện chấp nhận điều đó. Pháp luật được hình thành từ nhu cầu của chính con người nhằm để bảo

đảm cho họ tự do và các quyền con người một cách chắc chắn nhất. Nền tảng của luật pháp không phải xuất phát từ sự áp đặt hay cưỡng bức.

3. Quan điểm của Montesquieu và J.J. Rousseau

Montesquieu (1689 - 1755) cũng đã đề cập đến tự do và pháp luật. Trong tác phẩm *Bàn về tinh thần pháp luật*, Montesquieu quan niệm rằng, tự do là sự yên tâm của mỗi người khi thấy mình được an toàn; tự do của mỗi công dân có quan hệ chặt chẽ với việc chính quyền thực thi quyền lực của mình (cụ thể ở đây là việc áp dụng luật pháp). Tự do được là một quyền lợi tối cao của công dân. Nếu như quyền lực chỉ nằm trong tay một người và được áp chế một chiều từ trên xuống thì không thể có tự do. Quyền lực cần phải là một sự kiểm soát đối với quyền lực. Cần phải có sự phân quyền. Đây vừa là phương tiện đảm bảo tự do cho mỗi công dân, vừa là phương tiện đảm bảo sự ổn định của chính thể. Montesquieu đề xuất tư tưởng “tam quyền phân lập” như là sự cụ thể hoá nguyên tắc phân quyền (quyền lực của mỗi quốc gia nên chia làm quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp, ba quyền này do mỗi cơ quan tương ứng nắm giữ và thực thi). Ba quyền lực này không được chồng chéo và cản trở nhau, đồng thời phải đủ sức để áp chế lẫn nhau; không cho phép một bộ phận nào có thể áp đặt ý chí của mình lên trên và tự biến mình thành luật. Pháp luật trong các nhà nước cần phải được thiết lập sao cho “chỉ bận tâm đến những đe dọa đối với trật tự và an ninh chung”, không can thiệp quá sâu vào đời sống riêng tư, “bảo vệ cho người

dân khỏi bị hại trong khi vẫn cho người dân tự do làm những gì có thể” [5].

Khi lý giải mối quan hệ giữa tự do và pháp luật, Montesquieu cho rằng, “một dân tộc tự do không phải là một dân tộc có hình thức chính quyền như thế này hoặc như thế nọ; mà là một dân tộc có được một hình thức chính quyền được tạo lập bởi Luật pháp” [4]; luật pháp, nói đúng hơn là tính chất pháp quyền của nhà nước, là cái bảo đảm tối đa cho tự do của mỗi người và của xã hội. Khi con người tham gia vào khế ước xã hội thì cái “tự do” trong trạng thái tự nhiên của họ bị mất đi, nhưng đổi lại, họ được “tự do” thực sự, cái quyền tự do đó được đảm bảo bằng sức mạnh của cả cộng đồng.

J.J.Rousseau (1717 - 1778) cho rằng, tự do tự nhiên chỉ hạn chế chặt hẹp trong khả năng sức lực của cá nhân; còn “quyền tự do dân sự” có “giới hạn rộng rãi, là ý chí chung của nhiều người”; tự do của con người trong trạng thái tự nhiên “chỉ là kết quả của sức mạnh và chỉ là cái quyền của kẻ chiếm lĩnh đầu tiên”; trong khi đó, “quyền sở hữu trong trạng thái dân sự được xây dựng trên một danh nghĩa tích cực”. J.J.Rousseau phát triển thêm tư tưởng về quyền tự do của con người trong xã hội dân sự khi cho rằng, trong xã hội dân sự, con người không chỉ có tự do về hành động, mà còn “có tự do tinh thần” (đó là cái khiến con người trở thành “người chủ thật sự của chính mình”). J.J.Rousseau khẳng định: “làm theo kích thích của dục vọng là nô lệ, mà tuân theo quy tắc tự mình đặt ra lại là tự do” [4, tr.47].

4. Quan điểm của Friedrich Hayek

Friedrich Hayek sinh ngày 8 tháng 5 năm 1899 tại Vienne, thủ đô nước Áo, mất ngày 23 tháng 3 năm 1992 tại Fribourg. Ông không chỉ là một nhà kinh tế học, một nhà luật học, mà còn là một nhà tư tưởng lớn của thế kỷ XX. Ông là “đối thủ” chính của Keynes. Ngay trong giai đoạn mà chủ nghĩa Keynes đang thắng thế, F.Hayek đã lên tiếng phê phán mạnh mẽ đối với chủ nghĩa này. Người ta xem ông là một trong những kiến trúc sư chính của công cuộc xây dựng lại chủ nghĩa tự do. Toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp của F.Hayek đều hướng về mục đích bảo vệ và xây dựng lại chủ nghĩa tự do. Khi đề cao tự do, F.Hayek đồng thời cũng đề cao pháp luật.

Tư tưởng về tự do và pháp luật chiếm một vị trí quan trọng trong tư tưởng của Hayek. Quan điểm về tự do và pháp luật được F.Hayek trình bày trong một số tác phẩm tiêu biểu như “*Hiến pháp tự do*” (1970), “*Luật, luật pháp và Tự do*” (1973 - 1979), v.v.. F.Hayek cho rằng, tự do đóng góp cho hạnh phúc tốt hơn là sự cưỡng bức. Ông phản đối quan điểm cho rằng tự do là quyền con người không thể chuyển nhượng. Ông cũng phản đối quan điểm cho rằng tự do là quyền làm những gì mình muốn, tự do đồng nhất với quyền lực” [1, tr.137-139].

Trong chương 1 của cuốn *Hiến pháp tự do*, F.Hayek cho rằng, tự do là tình trạng mà ở đó một người không chịu sự cưỡng bức từ ý chí độc đoán của người khác. Ông không cho rằng việc thiếu vắng hoàn toàn tình trạng cưỡng bức là khả dĩ hay đặc trưng của tự do. Theo ông, pháp luật có thể tạo ra tự do thông qua việc thiết lập một nền tảng xã hội cho phép các cá nhân sống theo

lý trí của mình; sự cưỡng bức không phải là độc đoán; các cá nhân cần biết trước cái gì thì được phép và cái gì thì không được phép trong xã hội” [2, tr.387-388]. Tự do của con người trong xã hội hiện đại có nghĩa rằng con người muốn làm điều gì mình thích mà không chịu sự cưỡng bức từ bất cứ cá nhân nào. Tuy nhiên, tự do ở đây khác xa với tình trạng vô chính phủ. Sự cưỡng bức ở mức tối thiểu vẫn là cần thiết để đảm bảo và duy trì tự do.

Trong chương “Nguồn gốc của pháp trị” của cuốn *Hiến pháp tự do*, F.Hayek đã nói khá rõ: “Mục đích của pháp luật, không phải là nhằm bãi bỏ hay kiềm chế, mà là nhằm giữ gìn và mở rộng tự do. Bởi trong tất cả những trạng thái của sinh vật có năng lực pháp lý thì ở đâu không có pháp luật ở đấy không có tự do. Vì tự do nghĩa là tình trạng không chịu sự ràng buộc hay xâm phạm bởi người khác. Điều này không thể diễn ra ở nơi không có pháp luật và không phải... là quyền tự do dành cho mọi người được làm những gì mà người đó mong muốn (vì liệu ai có thể được tự do khi mà khả năng bị áp chế của người đó tùy thuộc vào tâm tính của mọi người khác?), mà chính là quyền tự do định đoạt và xếp đặt theo cách anh ta mong muốn đối với thân thể, hành vi, vật sở hữu và toàn bộ tài sản của anh ta, trong phạm vi cho phép của những luật lệ mà ở đó anh ta sẽ không phải là đối tượng của ý chí độc đoán từ người khác, mà là sự tự do tuân theo ý chí của mình” [2, tr.388-389]. F.Hayek cho rằng, tự do chân chính nhất quán với pháp luật và phụ thuộc vào pháp luật. Pháp luật đích thực là hiện thân của tự do. Pháp luật là

nhân tố cốt lõi của tự do. Nếu không có pháp luật thì không thể có tự do. Pháp luật đúng đắn là tự do [2, tr.440]. Không thể có tự do nếu không có pháp luật, pháp luật sản sinh ra tự do. Tự do không phải là cái vốn có hay bẩm sinh của con người. Xã hội loài người không phải ngay từ đầu đã có pháp luật. Pháp luật chỉ có ở trạng thái nhà nước (hay trạng thái xã hội dân sự). T.Hobbes và J.Locke cho rằng ngay trong “trạng thái tự nhiên” (tức là trạng thái chưa có pháp luật) đã có tự do; còn Hayek thì cho rằng, chỉ có trong trạng thái nhà nước mới có tự do.

Khác biệt lớn nhất giữa F.Hayek với T.Hobbes và J.Locke là ở chỗ, F.Hayek không cho rằng tự do là cái vốn có của con người. Một điểm khác biệt nữa giữa quan điểm của F.Hayek so với quan điểm của T.Hobbes và J.Locke về tự do là ở chỗ, T.Hobbes và J.Locke nhấn mạnh đến tự do cá nhân, tự do với tư cách là một quyền con người cần được bảo vệ, trong khi F.Hayek mặc dù không phủ nhận góc độ đó nhưng lại nhấn mạnh nhiều đến “tình trạng tự do” hay nền tự do, tức là nhấn mạnh đến góc độ xã hội của tự do nhiều hơn. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa họ là rất nhỏ. Về cơ bản, họ đều đồng nhất với nhau khi phân tích về bản chất của tự do và bản chất của pháp luật. Cụ thể, theo họ, tự do đích thực (phân biệt với tự do trong “trạng thái tự nhiên”) gắn liền và không thể tách rời với pháp luật. Pháp luật là cơ sở để giữ gìn và mở rộng tự do. Tự do là tình trạng không chịu sự ràng buộc hay xâm phạm bởi người khác. Pháp luật phải là pháp luật đích thực, pháp luật đúng đắn, không phải là công cụ để cưỡng

bức, áp đặt cá nhân, mà là công cụ để bảo đảm cho tự do của cá nhân.

Theo F.Hayek, trong xã hội có tự do, sự cưỡng bức bị giảm thiểu tới mức có thể, những luật lệ chung áp dụng cho tất cả mọi người với mục đích tối thiểu hóa cưỡng bức [2, tr.441]. Khi pháp luật thống trị, mọi cá nhân sống trong phạm vi khuôn khổ của pháp luật, mọi cá nhân đều bình đẳng trước pháp luật, mọi người đều phải tuân thủ pháp luật; nhưng đó không phải là tuân thủ một cách miễn cưỡng, hoặc là tuân thủ vì bị ép buộc, mà là tuân thủ một cách tự nguyện. Các cá nhân được tự do làm những gì mình muốn miễn không trái với pháp luật, và tin tưởng rằng pháp luật luôn đứng đằng sau để bảo vệ cho những hành vi không trái với quy phạm pháp luật đó.

F.Hayek được biết đến như một kiến trúc sư của việc xây dựng lại chủ nghĩa tự do, ông còn được coi là ông tổ của chủ nghĩa tân tự do. Trong giai đoạn học thuyết kinh tế của Keynes đang thắng thế, F.Hayek đã cực lực phản đối lý thuyết này; ông được xem như người khởi xướng chủ nghĩa tân tự do. Chủ nghĩa tự do của F.Hayek được hình thành trên quan niệm của ông về tự do và pháp luật. Những quan điểm này làm nền tảng cho các quan điểm khác của ông trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, v.v.. Đặc biệt, những quan điểm của F.Hayek về tự do và pháp luật là nền tảng của quan điểm của ông về xã hội dân sự.

Trên lĩnh vực kinh tế, quan điểm về tự do đã khiến ông đề cao yếu tố tự do cạnh tranh, thị trường tự do. Ông kịch liệt phê

phán sự cưỡng bức, hoặc áp đặt trong lĩnh vực kinh tế. Ông kịch liệt phản đối lý thuyết kinh tế của Keynes khi lý thuyết này nhấn mạnh đến tính chất kế hoạch, điều tiết mang tính quản lý chung của chính phủ đối với nền kinh tế. Ông đưa ra mô hình nhà nước tối thiểu và thị trường tự do, theo đó nhà nước càng thu hẹp bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Theo F.Hayek, nhà nước không có nhiệm vụ cưỡng bức hay áp đặt đối với thị trường, vai trò của nhà nước đối với thị trường cần phải tối thiểu hóa. F.Hayek không bài bác vai trò của chính phủ. Ông nhấn mạnh rằng, pháp luật tạo nên xã hội, nếu không có pháp luật cưỡng bức thì không thể có tồn tại xã hội. Bản chất triết học chính trị của ông có thể tóm lược trong một câu: tự do là sự thống trị của pháp luật. Ý tưởng của ông thể hiện đầy đủ nhất qua tác phẩm *Luật, luật pháp và tự do* [2, tr.31]. Theo quan điểm của chủ nghĩa tân tự do, xã hội dân sự được xem như một bộ phận của kết cấu xã hội, có trách nhiệm về những vấn đề chung. Nó được hình thành do sự tham gia tự nguyện của công dân, là đối trọng của nhà nước và là một trong những phương thức đảm bảo cho hoạt động mạnh mẽ của thị trường. Nguyên nhân của sự khác biệt trong quan niệm về xã hội dân sự của chủ nghĩa tự do mới so với chủ nghĩa tự do cổ điển là ở chỗ, một mặt, chủ nghĩa tự do mới chịu ảnh hưởng về mặt lý luận của những quan niệm về xã hội dân sự sau thời kỳ “cổ điển” (điển hình là quan niệm về xã hội dân sự của Hegel); mặt khác, nó chịu sự tác động của những điều kiện lịch sử mới, trong đó định hướng chống chủ nghĩa Keynes là tác nhân mạnh mẽ hơn cả. Quan điểm về xã hội dân

sự của F.Hayek có hai điểm đáng lưu ý, đó là thừa nhận nhà nước tối thiểu và thừa nhận “trật tự tự phát”. Thừa nhận nhà nước tối thiểu tức là thừa nhận rằng nhà nước không “can thiệp” quá nhiều vào thị trường, thị trường tự nó tuân theo các “trật tự tự phát”. F.Hayek bác bỏ quan niệm cho rằng việc chính phủ trung ương cung cấp các dịch vụ phúc lợi là hiệu quả nhất về mặt chi phí và là tốt nhất về mặt luân lý. Theo ông, cần cung cấp các dịch vụ phúc lợi ở bình diện địa phương thay vì trên bình diện quốc gia, một cách tự nguyện thay vì bắt buộc [2, tr.460]. F.Hayek cho rằng, trong một trật tự tự phát, các cá nhân có thể trao đổi và tác động qua lại theo mong muốn. Quá trình ra quyết định cá nhân không chịu sự chi phối nào từ trung ương. Các cá nhân có thể làm những gì họ muốn trong chừng mực họ không gây tổn hại cho một ai. Theo Hayek, pháp trị thay thế nhân trị. Trật tự và sự phát triển tiến bộ về vật chất diễn ra trong các xã hội đặc trưng bởi pháp luật [2, tr.30]. F.Hayek không có tác phẩm nào viết riêng về xã hội dân sự, không bàn về các tổ chức xã hội dân sự, không đưa ra định nghĩa về xã hội dân sự, nhưng chủ nghĩa tân tự do của ông cùng những tư tưởng về tự do và pháp luật là những nền tảng quan trọng trong quan niệm của ông về xã hội dân sự.

Quan niệm của ông về xã hội dân sự cũng chính là quan niệm cơ bản của chủ nghĩa tân tự do về xã hội dân sự mà hiện vẫn đang có sự ảnh hưởng to lớn trong thế giới đương đại.

4. Kết luận

Trên đây là quan điểm của một số nhà triết học phương Tây như Thomas Hobbes, John Locke, Montesquieu, J.J.Rousseau, Friedrich Hayek về tự do và pháp luật cho đến nay vẫn có nhiều nội dung có giá trị. Quan điểm của họ phản ánh tinh thần thượng tôn pháp luật, coi pháp luật là cơ sở đảm bảo cho tự do của con người. Quan điểm đó tuy có hạn chế nhưng hiện vẫn có nhiều nội dung giá trị đối với thế giới nói chung và nước ta nói riêng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Gilles Dostaler (2008), *Chủ nghĩa tự do của Hayek*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [2] Alan Ebenstein (2007), *Friedrich Hayek cuộc đời và sự nghiệp*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [3] J.Locke (2007), *Khảo luận thứ hai về chính quyền-chính quyền dân sự*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [4] J.J.Rousseau (2006), *Bàn về kế ước xã hội*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
- [5] <http://plato.stanford.edu/entries/montesquieu>